

Số: / TB-SKHCN

Bình Định, ngày tháng năm 2024

## THÔNG BÁO

### Hướng dẫn hồ sơ, trình tự thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn và thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNVVV);

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn hồ sơ, trình tự thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

#### I. Hỗ trợ công nghệ

1. Nội dung và mức hỗ trợ (Điều 11 của Nghị định 80/2021/NĐ-CP), gồm:

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

c) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyên giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

**2. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chí tại Điều 5, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, cụ thể:**

2.1. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.

2.2. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

2.3. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

**3. Hồ sơ đề xuất hỗ trợ: Theo khoản 4, Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, gồm:**

– Tờ khai theo biểu mẫu tại phụ lục ban hành kèm Nghị định số 80/2021/NĐCP gửi kèm theo hướng dẫn này;

– Tài liệu, hồ sơ: Bản sao Giấy đăng ký hoạt động doanh nghiệp, giấy đăng ký kinh doanh; danh sách lao động hiện có tại doanh nghiệp; danh sách lao động kèm chứng từ nộp bảo hiểm xã hội tương ứng năm liền kề trước hoặc giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm đề nghị hỗ trợ của cơ quan có thẩm

quyền. Bản cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính năm liền kề trước.

#### **4. Tiếp nhận và hướng dẫn hồ sơ**

– Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh; nguyên tắc và thứ tự ưu tiên hỗ trợ thực hiện theo Điều 4, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Cụ thể:

- + Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ trước được hỗ trợ trước;
- + Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ;
- + Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn một mức hỗ trợ có lợi nhất.

#### **5. Thẩm định và thông báo**

– Sở Khoa học Công nghệ thành lập hội đồng xem xét hồ sơ và kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp dựa theo Khoản 3, Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và thông báo đến đơn vị cụ thể:

+ Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hồ sơ, quyết định và có thông báo bằng văn bản hoặc trực tuyến cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo để doanh nghiệp biết. Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ nhưng chưa đầy đủ hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ và đầy đủ hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp, trong thông báo thể hiện rõ nội dung, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ và kinh phí khác (nếu có).

+ Sau khi có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có năng lực cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi chung là bên cung cấp) và doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành ký hợp đồng; trong hợp đồng phải thể hiện rõ phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, chi phí do doanh nghiệp nhỏ và vừa chi trả, chi phí khác (nếu có) và điều khoản thanh toán. Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện hợp đồng, ba bên nghiệm thu, thanh lý và thanh quyết toán chi phí hợp đồng theo quy định. Việc hỗ trợ này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn liên quan.

(có mẫu hợp đồng giữa 3 bên theo Phụ lục 1, Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 kèm theo).

– Việc công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan tại điểm d, khoản 5, Điều 28 và khoản 6, Điều 29 nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Sở khoa học và Công nghệ niêm yết tại Sở và trên Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học công nghệ tỉnh.

## **II. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo**

**1. Nội dung và mức hỗ trợ (tại khoản 2,3,4,5 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP) gồm:**

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

d) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

đ) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

e) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

f) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

g) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

h) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

i) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm;

k) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

l) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

m) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử;

n) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;

o) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

## ***2. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ***

– Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh; Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động lần đầu; chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

– Ngoài ra phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: Điều 20, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

+ Sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, phần mềm máy

tính, ứng dụng trên điện thoại di động, điện toán đám mây, giống vật nuôi mới, giống cây trồng mới, giống thủy sản mới, giống cây lâm nghiệp mới.

+ Sản xuất, kinh doanh sản phẩm được tạo ra từ các dự án sản xuất thử nghiệm, sản phẩm mẫu và hoàn thiện công nghệ; sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, quốc tế và các giải thưởng về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ.

+ Có giải pháp công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới có khả năng tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp đạt tối thiểu 20% trong 02 năm liên tiếp trên cơ sở phân tích các yếu tố thị phần, khả năng phát triển của sản phẩm, dịch vụ và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

**3. Hồ sơ đề xuất hỗ trợ: Theo khoản 4, Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, gồm:**

– Tờ khai theo biểu mẫu tại phụ lục ban hành kèm Nghị định số 80/2021/NĐ-CP gửi kèm theo hướng dẫn này;

– Tài liệu, hồ sơ: Bản sao Giấy đăng ký hoạt động doanh nghiệp, giấy đăng ký kinh doanh; danh sách lao động hiện có tại doanh nghiệp; danh sách lao động kèm chứng từ nộp bảo hiểm xã hội tương ứng năm liền kề trước hoặc giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm đề nghị hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền. Bản cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính năm liền kề trước.

– Ngoài các nội dung nêu trên trong hồ sơ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải có tài liệu chứng minh thuộc một trong các nội dung tại Điều 20 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP nêu trên.

**4. Tiếp nhận và hướng dẫn hồ sơ**

– Doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh; nguyên tắc và thứ tự ưu tiên hỗ trợ thực hiện theo Điều 21, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, theo một trong các phương thức sau đây:

+ Lựa chọn các doanh nghiệp có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế; hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Lựa chọn các doanh nghiệp đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu

làm việc chung, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư.

### **5. Thẩm định và thông báo**

– Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng để lựa chọn (nếu cần thiết).

– Việc công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan tại điểm d, khoản 5, Điều 28 và khoản 6, Điều 29 nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Sở khoa học và Công nghệ niêm yết tại Sở và trên Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học công nghệ tỉnh.

**III. Phê duyệt và cấp kinh phí Hồ sơ thanh toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo mục I, II, III nêu trên được thực hiện theo Khoản 5, Điều 32, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP gồm:**

– Thông báo của Sở Khoa học Công nghệ về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp.

– Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và nhiệm thu giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với cơ quan tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

– Hóa đơn chứng từ khác có liên quan.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để kịp thời xử lý theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh;
- Đăng trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, CN.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Hà**